

Biểu số 2
(Ban hành kèm theo Thông tư số
61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017
của Bộ Tài chính)

SỞ KH&CN TỈNH TN
TT PHÁT TRIỂN KH&CN

Số: 110/QĐ-TTKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai Xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020 của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 18/TB-KHCN ngày 12/4/2021 của Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên v/v Xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020 của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Xét duyệt/thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020 của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên (Có Biểu kèm theo)

Điều 2 Phòng Thông tin - Hành chính - Tổng hợp và các phòng ban có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- Các Phòng;
- Lưu VT, THT

GIÁM ĐỐC



Trương Anh Tuấn

Biểu số 4
(Ban hành kèm theo Thông tư số
61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017
của Bộ Tài chính)

Đơn vị: TT PHÁT TRIỂN KH&CN

Chương: 417

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Năm 2020

(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-TTKHCN ngày 12/5/2021
của Trung tâm Phát triển KH&CN tỉnh Thái Nguyên)

DVT: Triệu đồng



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	3.243,4	3.243,4			
1	Số thu phí, lệ phí	-	-			
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	3.243,4	3.243,4			
3	Thu sự nghiệp khác	-	-			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	2.770,4	2.770,4	758,4		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	2.770,4	2.770,4	758,4		
3	Hoạt động sự nghiệp khác	-	-			
C	Số thu nộp NSNN	66,2	66,2			
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-			
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	66,2	66,2			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	-	-			

II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi quản lý hành chính	-	-	-		
2	Nghiên cứu khoa học	2.000	2.000	1.227,5		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-		
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	2.000	2.000	1.227,5		
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-		

